# ASEAN HỘI NHẬP VÀO NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU

## 1. Khu vực thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN (ACFTA)

Vào năm 2002, các nước thành viên ASEAN và cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa đã ký kết hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc. Hiệp định này là cơ sở để ASEAN và Trung Quốc tiến hành đàm phán sâu hơn nữa cho khu thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN (ACFTA) vào tháng 12 năm2009.

Trung quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN với tổng giá trị thương mại lên đến US$231.2 tỉ, chiếm tới 11.3% tổng giá trị thương mại của toàn khu vực ASEAN. Xét theo quy mô thị trường tiêu dùng thì ACFTA là khu vực thương mại tự do lớn nhất trên thế giới, là thị trường có tới 1.94 tỷ người tiêu dùng với tổng thu nhập quốc nội (GDP) lên tới 7.6 nghìn tỷ USD (vào năm2010).

**Dòng chu chuyển hàng hóa tự do**

Hiệp định thương mại hàng hóa được ký kết năm 2004 đã góp phần cắt giảm hàng rào thuế quan và những hạn chế về các dòng thuế trong từng lĩnh vực theo danh mục hàng thông thường hoặc danh mục hàng nhạy cảm.

Đối với danh mục hàng thông thường: Tất cả các dòng thuế theo danh mục này đã được ASEAN – 6 (Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand) và Trung quốc đồng thuận xóa bỏ vào ngày 1/1/2010. Các dòng thuế áp với một vài loại hàng hóa còn lại theo danh mục này sẽ được xóa bỏ trước ngày 1/1/2012 theo chính sách linh hoạt trong việc xóa bỏ hàng rào thuế quan. Đối với Cambodia, Laos, Myanmar và Viet Nam, việc xóa bỏ hàng rào thuế quan sẽ được hoàn thành trước ngày 1/1/2015 với chính sách linh hoạt trong xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với các sản phẩm trong danh mục nhưng không vượt quá 250 dòng thuế trước 1/1/2018.

Danh mục hàng nhạy cảm: hàng hóa trong danh mục này được phân loại thành hàng hóa nhạy cảm (SL) hoặc hàng hóa có độ nhạy cảm cao (HSL) và sẽ có lộ trình cắt giảm hàng rào thuế quan theo khung thời gian được đề cập đến trong thỏa thuận. Hàng rào thuế quan đối với các sản phẩm loại SL đầu tiên sẽ được cắt giảm xuống còn 20%, sau đó sẽ tiếp tục cắt giảm xuống còn trong biên độ 0 – 5%. Đối với hàng hóa HSL, hàng rào thuế quan sẽ được cắt giảm xuống ở mức thấp hơn 50%. ACFTA không loại trừ bất kỳ một sản phẩm nào. Quy luật xuất xứ áp dụng đối với khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung quốc cũng theo thông lệ chung là 40% giá trị hàng hóa có xuất xừ từ khu vực, và áp dụng đối với một số hàng hóa hạn chế với những quy định cụ thể.

**Dòng chu chuyển dịch vụ tự do**

Hiệp định thương mại dịch vụ giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc vào ngày 14 tháng 1 năm 2007 là hiệp định thứ 2 phái sinh theo hiệp định khung 202. Mục đích của hiệp định này là tự do hóa và xóa bỏ đáng kể các biện pháp phân biệt thương mại dịch vụ giữa các bên trong ngành dịch vụ. Với việc áp dụng Hiệp Định GATS cộng (GATS Plus), mức độ cam kết tự do hóa cao hơn rất nhiều so với mức độ cam kết của các nước tham gia vào hiệp định GATS của WTO. ASEAN và Trung Quốc đã tiến tới vòng đàm phán thứ hai vào năm 2008 nhằm mục đích thúc đẩy đáng kể gói cam kết thứ nhất. Nghị định thư về thực hiện những cam kết trong gói cam kết thứ 2 theo hiệp định thương mại dịch vụ được mong đợi sẽ ký kết bên lề hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Trung quốc lần thứ 14 vào tháng 11 năm2011.

**Dòng chu chuyển tự do của vốn đầu tư**

Để thúc đẩy và nâng cao lợi thế của dòng vốn đầu tư, ASEAN và Trung quốc cũng ký kết một hiệp định đầu tư vào tháng 8 năm 2009 tại Bangkok, Thái Lan. Hiệp định này có hiệu lực vào tháng 1 năm 2010 sẽ góp phần tạo dựng môi trường đầu tư thuận lợi cho các nhà đầu tư từ ASEAN và Trung Quốc. Hiệp định này hỗ trợ các vấn đề chính về bảo hộ để đảm bảo điều kiện đầu tư công bằng, minh bạch cho nhà đầu tư, đồng thời áp dụng các biện pháp chống phân biệt trong nước, chống hạn chế đầu tư và bồi thường thiệt hại. Hiệp định này cũng bao gồm các điều khoản cho phép chuyển giá và chuyển lợi nhuận theo bất kỳ loại tiền tệ nào và cung cấp cho nhà đầu tư các nguồn lực để giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan đến họ.

**2. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP)**

Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) được ký kết vào tháng 4 năm 2008 và chính thức có hiệu lực từ tháng 12/2008 là một hiệp định toàn diện trên mọi mặt của thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, và hợp tác kinh tế. Tổng kết năm 2010, GDP của ASEAN và Nhật bản đạt 7.2 nghìn tỷ USD, tổng giá trị thương mại song phương đạt 203.9 tỷ USD, khiến Nhật Bản trở thành đối tác thương mại thứ 3 của ASEAN.

AJCEP sẽ tiếp tục hỗ trợ thúc đẩy đà tăng trưởng thương mại và đầu tư trong khu vực bằng cách cho phép nhiều hàng hóa và dịch vụ đến với người tiêu dùng Nhật Bản và ASEAN ở mức giá thấp hơn thông qua việc cắt giảm hoặc xóa bỏ hàng rào thuế quan. Tăng cường trao đổi hàng hóa và dịch vụ khi thế quan bị cắt giảm sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở cả 2 khu vực nói trên.

**Xóa bỏ và cắt giảm hàng rào thuế quan**

Theo các điều khoản của hiệp định (AJCEP), Nhật Bản phải xóa bỏ 92% trong tổng số hàng rào thuế quan của mình căn cứ trên các dòng thuế và giá trị thương mại của hàng hóa theo danh mục hàng hóa thông thường trong vòng 10 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực (EIF). ASEAN 6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand) và Việt Nam phải xóa bỏ 90% hàng rào thuế quan của mình căn cứ trên các dòng thuế và giá trị thương mại của hàng hóa theo danh mục hàng hóa thông thường trong vòng 10 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực (EIF). Đối với Cambodia, Laos và Myanmar, 90% hàng rào thuế quan căn cứ trên các dòng thuế và giá trị thương mại của hàng hóa theo danh mục hàng hóa thông thường cần phải được xóa bỏ trong vòng 13 năm kể từ khi EIF có hiệulực.

Đối với hàng hóa trong danh mục hàng nhạy cảm cao, hàng nhạy cảm và hàng miễn trừ, cách thức áp dụng cũng sẽ thay đổi, đồng thời việc cắt giảm thuế phải được thực hiện trên cơ sở đàm phán song phương giữa ASEAN - Nhật Bản, và phải xem xét đến cả độ nhạy cảm của cácbên.

**Quy tắc xuất xứ (ROO)**

Quy tắc xuất xứ (ROO) ra đời theo sau AJCEP với mục đích khuyến khích nguồn đầu vào đem lại lợi ích cho các ngành công nghiệp trong ASEAN cũng như các doanh nghiệp của Nhật Bản như Mitsubishi, Toyota và các doanh nghiệp điện tử khác hoạt động và đầu tư nhiều trong khu vựcASEAN.

ROO của AJCEP cũng mang đặc điểm chung của *Tỷ lệ* giá trị nội *địa (*RVC *-* Regional Value Content*)* 40% hoặc tỷ lệ chuyển đổi nhóm CTH cho phép nhà xuất khẩu và nhà sảnxuất lựa chọn nguyên tắc áp dụng thích hợp đối với hàng rào thuế quan ưu đãi (thấp hơn hoặc bằng 0) theo hiệp định.

**Dịch vụ và đầu tư**

Hiệp định thương mại dịch vụ và đầu tư hoàn thành năm 2012 .

**Cơ chế giải quyết tranh chấp**

Cơ chế giải quyết tranh chấp được đưa ra để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hiệp định TIG thông qua tư vấn, đàm phán, hòa giải, tòa án hoặc bất kỳ hiệp định quốc tế có liên quan nào.

**Lợi ích tổng thể**

Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản vào ASEAN đạt tới 56 tỷ đô từ năm 2002 đến 2010. Con số này được trông đợi sẽ còn cao hơn nữa khi AJCEP tiếp tục hỗ trợ cho hoạt động đầu tư, thu hẹp khoảng cách kinh tế giữa ASEAN và Nhật Bản.

**3. Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn quốc (AKFTA)**

Trong năm 2005, ASEAN và Hàn Quốc đã ký kết hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện, là cơ sở để tiếp tục 4 hiệp định nữa về công cụ pháp lý hình thành Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn quốc (AKFTA).

Hàn quốc hiện đang là đối tác thương mại lớn thứ 5 của ASEAN với tổng giá trị thương mại trong năm 2010 lên tới 98.1 tỷ USD. Dòng FDI từ Hàn quốc vào ASEAN trong năm 2010 đạt 3.7 tỷ USD.

**Thương mại hàng hóa**

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc (AK-TIG) được ký kết vào năm 2006 đưa ra các thỏa thuận thương mại hàng hóa ưu tiên trong 10 nước ASEAN và Hàn Quốc mà chủ yếu là đề cập tới việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan áp dụng cho tất cả các dòng thuế trong giai đoạn chuyển đổi. Kể từ tháng 1 năm 2010, Hàn Quốc và ASEAN 5 (Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore) đã và đang xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với 90% sản phẩm trong danh mục thông thường.

Các thành viên mới của ASEAN - Viet Nam, Cambodia, Lao PDR và Myanmar có lộ trình cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan lâu hơn trong quá trình phát triển của mình. Đối với Việt Nam, ít nhất 50% trong số các dòng thuế áp dụng cho danh mục hàng hóa thông thường sẽ giảm xuống mức còn 0 – 5% trước tháng 1 năm 2013 còn đối với Cambodia, Lao PDR và Myanmar (CLM) là tháng 1 năm 2015.90% các dòng thuế trong hàng rào thuế quan sẽ được cắt giảm xuống mức còn 0 – 5% trước năm 2016 đối với Việt Nam và trước 2018 đối với các nước CLM. Trước năm 2017 và 2020, các loại hàng hóa trong danh mục hàng hóa thông thường của CLM lần lượt sẽ tiếp cận đầy đủ với thị trường với mức thuế suất bằng 0%. Thái Lan đã đồng ý tham gia vào AK-TIG trong năm 2007 thì thực hiện theo một lộ trình khác. Hàng rào thuế quan áp dụng với hàng hóa trong danh mục thông thường sẽ được cắt giảm trong giai đoạn thực hiện hiệp định và sẽ được xóa bỏ hoàn toàn vào năm 2016 hoặc 2017.

**Thương mại dịch vụ**

Hiệp định thương mại dịch vụ giữa ASEAN và Hàn Quốc (AK-TIG) được ký kết năm 2007 và là cơ sở để tiếp cận thị trường nhiều hơn nữa của các nhà cung cấp dịch vụ ASEAN và Hàn quốc. Căn cứ trên những cam kết hiện tại trong WTO theo hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), ASEAN và Hàn quốc cùng gia tăng cam kết thông qua việc bổ sung các ngành và tiểu ngành mới, xóa bỏ hạn chế đối với khu vực dịch vụ trong kinh doanh, xây dựng, giáo dục, viễn thông, môi trường, du lịch và vận tải.

**Đầu tư**

Hiệp định thương mại đầu tư giữa ASEAN và Hàn Quốc (AK-TIG) được ký kết năm 2009 sẽ tạo ra một môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, an toàn và hỗ trợ cho các nhà đầu tư Hàn Q và ASEAN. Hiệp định này bao gồm các điều khoản về phương pháp đầu tư công bằng, bảo hộ và đảm bảo đầy đủ cho nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư, lưu chuyển dòng vốn trong hoạt động đầu tư, bồi thường và khai thác đầu tư.

Kể từ khi hiệp định này có hiệu lực vào năm 2009, ASEAN và Hàn quốc cùng theo đuổi mục tiêu hoàn thiện các vấn đề nêu ra trong hiệp định như phát triển các cam kết tiếp cận thị trường hoặc các kế hoạch riêng. ASEAN và Hàn Quốc tiếp tục đàm phán theo những hạng mục trong chương trình và dự định sẽ hoàn thành đàm phán trong vòng 5 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực.

**Các cơ chế giải quyết tranh chấp**

Hiệp định giữa ASEAN và Hàn Quốc về cơ chế giải quyết tranh chấp được ký kết năm 2005 đã đưa ra cách thức giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hiệp định thương mại tự do thông qua tư vấn, hòa giải, xem xét, đưa ra tòa án, hoặc dựa trên những hiệp định quốc tế có liên quan để giải quyết (Cơ chế giải quyết tranh chấp không áp dụng theo một điều khoản cụ thể nào của hiệp định thương mại dịch vụ, đầu tư hoặc hợp tác kinh tế hay trong bất kỳ lĩnh vực nào khác hoặc bất kỳ phụ lục nào của các hiệp định nói trên).

**4. Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ**

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIG) được ký kết năm 2009 và chính thức có hiệu lực từ tháng 1 năm 2010 để hình thành một trong những khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới. Thị trường ASEAN - Ấn Độ bao gồm khoảng 1.8 tỷ người với tổng GDP liên kết khoảng

3.82 nghìn tỷ USD tính theo số liệu năm 2010. Thương mại ASEAN - Ấn Độ đạt khoảng 55.3 tỷ USD trong năm 2010, biến khu vực này trở thành đối tác thương mại lớn thứ 6 trên thế giới.

**Thương mại hàng hóa tự do**

AITIG góp phần làm giảm và/hoặc dỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ trong khu vực (tuân theo đúng nguyên tắc xuất xứ) được giao dịch trong khu vực ASEAN và Ấn Độ. Căn cứ vào danh mục hàng hóa thông thường, hàng rào thuế quan áp dụng với các hàng hóa trong danh mục này tại các nước Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thailand và Ấn Độ sẽ được gỡ bỏ trước năm 2016. Hàng rào thuế quan áp dụng đối với các loại hàng hóa trong danh mục hàng hóa thông thường giữa Philippines và Ấn Độ sẽ được gỡ bỏ trước năm 2019. Lộ trình gỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với hàng hóa trong danh mục thông thường tại Cambodia, Lao PDR, Myanmar và Viet Nam (CLMV) được gỡ bỏ theo một lộ trình lâu hơn.

Trong danh mục hàng hóa nhạy cảm, các loại hàng hóa đang được áp mức thuế suất tối huệ quốc (MFN) trên 5% sẽ được giảm xuống còn 5% trước năm 2016, áp dụng với các quốc gia Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thailand và Ấn Độ, trước năm 2019 với Philippines và Ấn Độ; trước 2011 với Cambodia, Lao PDR, Myanmar và Viet Nam.

AITIG cũng đưa ra các mức thuế khác nhau đối với các loại hàng hóa đặc biệt như dầu thô, dầu tinh, cà phê, chè đen và hạt tiêu. Cũng có những loại hàng hóa được đưa vào danh mục hàng nhạy cảm cao và hàng hóa miễn trừ, và danh mục này sẽ được xem xét lại hàng năm để điều chỉnh phương pháp tiếp cận.

Nguyên tắc chung của RVC (tỷ lệ nội địa hóa) là 35%+CTSH (tỷ lệ chuyển đổi) được áp dụng như là một tiêu chí để xem xét xuất xứ của hàng hóa cho phù hợp với các mức thuế ưu đãi. Những nguyên tắc cụ thể đối với từng sản phẩm cũng được đưa ra đàm phán để hình thành quy định thay thế áp dụng cho các loại sản phẩm hoặc khu vực kinh tế cụ thể.

**Dịch vụ và đầu tư**

Các cuộc đàm phán về hiệp định thương mại dịch vụ và đầu tư đang được tiến hành và dự định sẽ hoàn thành vào năm 2012.

**5. Khu vực thương mại tự do SEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA)**

Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA) được thông qua với mục đích hội nhập 12 thị trường đơn lẻ thành một thị trường đồng nhất gồm 625 triệu người với tổng giá trị GDP của khu vực là 2.61 nghìn tỷ USD và tổng giá trị thương mại là 62.3 tỷ USD theo số liệu của năm 2010. AANZTA được ký kết năm 2009 và chính thức có hiệu lực vào tháng 1 năm 2010.

Mặc dù trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm dòng đầu tư nước ngoài, song tổng mức đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Australia-New Zealand vào ASEAN vẫn tiếp tục tăng.

Hiệp định AANZTA là hiệp định đa phương đầu tiên đối với cả ASEAN và Australia (New Zealand đã từng có hiệp định thương mại đa phương với Brunei, Singapore và Chile). Đây cũng là cam kết ở cấp độ khu vực đầu tiên đối với ASEAN và cũng là hiệp định đầu tiên mà Australia và New Zealand cùng tham gia đàm phán. Hiệp định này đề cập đến thương mại hàng hóa, dịch vụ, thương mại điện tử, đầu tư, cơ chế giải quyết tranh chấp và các điều khoản cụ thể về thủ tục hải quan, vệ sinh dịch tễ (SPS), các tiêu chuẩn và nguyên tắc kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh .

**Các nghĩa vụ theo hiệp định AANZFTA**

Các nước thành viên ASEAN, Australia và New Zealand bị ràng buộc với nhau bởi hiệp định AANZFTA và lần lượt tự do hóa hàng rào thuế quan kể từ khi hiệp định này có hiệu lực chính thức vào năm 2010 và dỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với ít nhất 90% các dòng thuế theo một lộ trình cụ thể. Các nước này cũng đồng ý dỡ bỏ hàng rào thương mại dịch vụ và cho phép tiếp cận nhiều hơn từ phía các nhà cung cấp dịch vụ. (Việc thực hiện AANZFTA của các nước AMS sẽ được áp dụng theo một lộ trình khác do những quy định trong nước. AANZFTA có hiệu lực chính thức khi Australia, New Zealand và một nước AMS bắt đầu thực hiện. Tính đến thời điểm này, Indonesia vẫn chưa thực hiện được hiệp định nói trên).

Hiệp định AANZFTA cho phép tự do chu chuyển dòng nhân lực trong hoạt động thương mại và hoạt động đầu tư khu vực, đồng thời cũng đưa ra các biện pháp bảo hộ đầu tư, bao gồm cả việc bồi thường tổn thất, chuyển lợi nhuận và chuyển vốn, chuyển quyền và khiến nại liên quan đến đầu tư. Theo các điều khoản của hiệp định, ASEAN, Australia và New Zealand đồng ý nâng cao lợi thế của dòng chu chuyển hàng hóa bằng cách thực hiện các điều khoản cụ thể của quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan, các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS), các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật cũng như các biện pháp đánh giá mức độ phù hợp.

Các gói cam kết liên quan tới hoạt động thương mại hàng hóa (mà cụ thể là hàng rào thuế quan), thương mại dịch vụ (bao gồm dịch vụ tài chính và dịch vụ viễn thông) và dòng chu chuyển nhân sự đều nằm trong bản phụ lục đính kèm theo hiệp định thương mại AANZFTA.

**Những lợi ích do hiệp định AANZFTA mang lại**

Hiệp định AANZFTA mở ra cơ hội kinh tế trong ASEAN, Australia và New Zealand. Nó cho phép các nhà xuất khẩu và sản xuất tiếp cận sâu hơn nữa vào thị trường khu vực, thúc đẩy quy mô kinh tế trong sản xuất, cơ hội mở rộng mạng lưới và thúc đẩy hợp tác kinh tế trong khu vực. AANZFTA cũng góp phần tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và có thể dự đoán trước do đó các nhà hoạt động kinh tế được đảm bảo rằng hoạt động thương mại sẽ không bị can thiệp hoặc gián đoạn một cách không cần thiết.